

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT NHẪM THÚC ĐẨY HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN CHUYÊN NGỮ TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC THÔNG QUA CÁC HOẠT ĐỘNG NGOẠI KHÓA

HOÀNG THỊ THU HÀ*

Abstract: This article reports the results of an investigation into the difficulties of English - specialized students of Hong Duc university, Thanh Hoa when they carry out the scientific research. The survey in this report shows that the most difficulties of students are about the reference source and choosing the suitable research. Most of the students have already known the importance of doing research; however, the quality of student's research is not really high. From result of the survey, this article gives some suggestions to encourage the conducting research activities of students by organizing extra - curricular activities.

Keywords: Scientific research, extra - curricular activities, students.

Đối với sinh viên (SV) đại học (ĐH), bên cạnh học tập trên lớp, nghiên cứu khoa học (NCKH) được xem như một trong những nhiệm vụ đặc biệt quan trọng. NCKH trong SV không những đem lại sản phẩm phục vụ cho hoạt động dạy và học mà còn giúp nâng tầm kiến thức, có thêm nhiều hiểu biết về lĩnh vực mà SV đang tiến hành nghiên cứu. Thông qua các hoạt động NCKH, SV có thể rèn luyện sự nhạy bén, tư duy, cũng như các kĩ năng làm việc nhóm, điều rất cần thiết sau khi ra trường.

Trong những năm học vừa qua, Trường ĐH Hồng Đức cũng như Khoa Ngoại ngữ đã rất quan tâm đến hoạt động NCKH của SV thông qua việc tổ chức các hội thảo, các cuộc thi NCKH cấp trường, cấp khoa và đã đạt được thành công, thể hiện ở số lượng và chất lượng các bài NCKH ngày càng được nâng cao. Tuy nhiên, ở một bộ phận, quá trình NCKH của SV đã thể hiện các mặt hạn chế nhất định đòi hỏi những biện pháp khắc phục tình trạng này.

Trong phạm vi bài viết, chúng tôi tập trung đưa ra một số đề xuất kết hợp các hoạt động NCKH với hoạt động ngoại khóa (HĐNK) để thúc đẩy tinh thần NCKH trong SV chuyên ngữ Trường ĐH Hồng Đức.

1. Nghiên cứu khoa học

1.1. Khái niệm NCKH

Nghiên cứu (research) bao gồm hoạt động sáng tạo được thực hiện một cách có hệ thống nhằm làm giàu tri thức, bao gồm tri thức về con người, văn hóa và xã hội, và sử dụng vốn tri thức này để tạo ra những ứng dụng mới. Hoạt động nghiên cứu được dùng để thiết lập hay xác nhận các dữ kiện, tái xác nhận kết quả của công trình trước đó, giải quyết những vấn đề

mới hay đang tồn tại, chứng minh các định lí, hay phát triển những lí thuyết mới.

NCKH là một hoạt động của con người nhằm mở rộng tri thức qua các phương pháp khoa học. Vậy, NCKH là một cuộc điều tra hay khảo sát có hệ thống nhằm mục tiêu phát triển tri thức mới, đóng góp thêm tri thức cho kho tàng của con người.

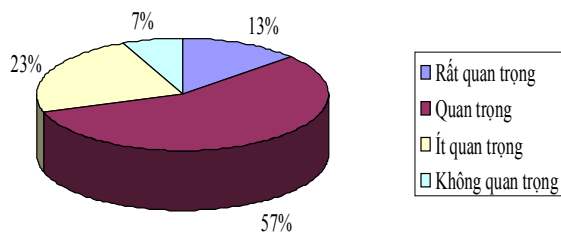
1.2. Những khó khăn thường gặp khi NCKH của SV chuyên ngữ Trường ĐH Hồng Đức

SV chuyên ngữ Trường ĐH Hồng Đức thường tiến hành NCKH theo nhóm từ 4-6 SV dưới sự hướng dẫn của một giảng viên Khoa Ngoại ngữ.

Qua điều tra 30 SV năm thứ hai và thứ ba của khối chuyên ngữ Trường ĐH Hồng Đức, kết quả thu được cho thấy có tới 17 SV, chiếm tỉ lệ 57% nhận thấy hoạt động NCKH là một nhiệm vụ quan trọng, tuy nhiên phần lớn SV được điều tra cho thấy trở ngại lớn nhất là về thời gian tiến hành NCKH và quá trình tìm kiếm, lựa chọn đề tài và khai thác tài liệu phù hợp với đề tài nghiên cứu. Ngoài ra, tinh thần trách nhiệm và mức độ cộng tác của các thành viên trong nhóm cũng là những khó khăn được đề cập tới (xem *biểu đồ, bảng* trang bên).

Khó khăn về *thời gian* ở đây xuất phát từ nguyên nhân các nhóm SV phải hoàn thành đề tài NCKH trong một khoảng thời gian nhất định trong khi vừa phải tham gia học tập chính khóa trên lớp. Đa số SV chưa hề có ý tưởng về đề tài NCKH của mình trước khi được phổ biến về việc lập nhóm SV và phân giáo viên hướng dẫn nên thời gian là một trở ngại rất lớn cho việc đưa ra một NCKH có chất lượng.

* Trường Đại học Hồng Đức



Biểu đồ 1. Nhận thức của SV về tầm quan trọng của NCKH

Bảng 1. Những khó khăn SV gặp phải khi tiến hành NCKH

Số SV	Những khó khăn gặp phải trong quá trình NCKH					
	Lựa chọn đề tài	Tìm kiếm tài liệu	Thời gian	Kinh phí	Tinh thần của thành viên trong nhóm	Trình bày nghiên cứu
9/30	9/30	7/30	9/30	3/30	2/30	

Thứ hai là khó khăn trong việc *lựa chọn đề tài*. Đa số SV trước khi thực hiện đề tài chỉ mới có cái nhìn tổng quát thậm chí là rất đơn sơ về đề tài nghiên cứu trong khi lựa chọn đề tài nghiên cứu là khâu vô cùng quan trọng, định hướng cho cả quá trình nghiên cứu.

Thứ ba là việc *tìm kiếm tài liệu tham khảo*. SV khi tiến hành nghiên cứu thường chưa có phương pháp tìm kiếm tài liệu, thậm chí có lúc còn dẫn cả những nguồn tài liệu tham khảo có độ tin cậy thấp. Khi đã có tài liệu, SV thường không có đủ những kiến thức và kỹ năng trong việc tổng hợp, xử lý số liệu và phân tích kết quả của việc xử lý đó mà chủ yếu phần này phải dựa khá nhiều vào giáo viên hướng dẫn. Ngoài ra, với đặc thù NCKH của SV chuyên ngữ, đa số các bài nghiên cứu phải trình bày và tham khảo tài liệu bằng tiếng Anh mà các tài liệu này tiếng Anh lại rất khó tìm ở trong nước và có giá thành cao.

Yếu tố *tinh thần trách nhiệm* của các thành viên trong nhóm cũng được các SV đề cập đến. Do một số thành viên trong nhóm thường không duy trì được quyết tâm nên dẫn đến tình trạng trong nhóm một số thành viên tích cực phải làm hộ phần công việc cho những thành viên chưa tích cực.

Cuối cùng là về vấn đề *kinh phí*. Mặc dù vẫn có sự hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài từ phía nhà trường và khoa nhưng nhìn chung vẫn còn mang tính chất động viên và chi phí chỉ được nhận sau khi công trình đã hoàn thành vì thế phần nào gây hạn chế trong việc phát triển mô hình nghiên cứu.

2. Hoạt động ngoại khóa

2.1. Khái niệm về HĐNK

HĐNK là hoạt động giáo dục sự linh hoạt và hoạt động thẩm mỹ, là hoạt động nằm ngoài chương trình

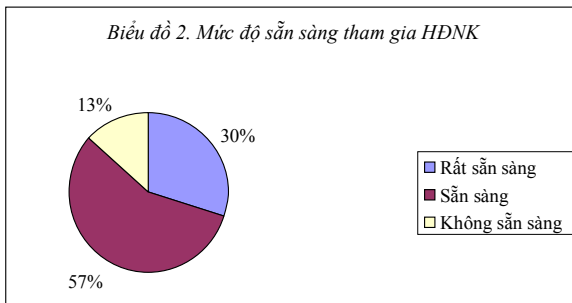
học chính khóa, thường mang tính chất tự nguyện hơn là bắt buộc, là một hoạt động không đặt sự giảng dạy của giáo viên lên hàng đầu, mà xem trọng hoạt động tự giác, sự vận động sáng tạo của SV.

2.2. HĐNK đối với SV chuyên ngữ Trường ĐH Hồng Đức

HĐNK, do không đặt sự giảng dạy của giảng viên lên hàng đầu, nên có tính chất tự nguyện, là một mô hình hoạt động rất hữu ích. Sau những giờ học trên lớp, SV có điều kiện gần gũi nhau hơn, chia sẻ với nhau các kiến thức và tài liệu mà mình có, giảm căng thẳng và tích lũy kỹ năng sống, điều rất cần thiết trong môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp của SV.

HĐNK góp phần giáo dục tính tổ chức, tính kế hoạch, tinh thần làm chủ và hợp tác trên cơ sở những hoạt động thực tế. Ngoại khóa được thực hiện cơ bản dựa trên sự tự nguyện, tự giác của SV cộng với sự giúp đỡ thích hợp của giảng viên sẽ động viên SV nỗ lực hết mình giải quyết vấn đề đặt ra.

Các HĐNK của SV chuyên ngữ Trường ĐH Hồng Đức có thể tham gia áp dụng vào quá trình phát triển hoạt động NCKH bao gồm các hội thảo khoa học, seminar, các buổi nói chuyện, câu lạc bộ tiếng Anh, sinh hoạt lớp đầu tháng. Ngoài ra, với những hoạt động thao tác trên mạng xã hội, SV có thể tận dụng thời gian rảnh rỗi và hoàn toàn chủ động về mặt thời gian.



Khi được khảo sát, có tới 57% SV phát biểu sẵn sàng tham gia vào các HĐNK liên quan đến NCKH.

Bảng 2. Những HĐNK SV sẵn sàng tham gia

Số SV	Các loại HĐNK SV sẵn sàng tham gia				
	Trao đổi, giao lưu thông qua các hội thảo và câu lạc bộ NCKH trong trường	Trao đổi, tiếp nhận thông tin qua mạng xã hội	Dự các buổi sinh hoạt, chuyên môn học thuật của giảng viên trong khoa	Tham gia hội thảo NCKH của trường khác	Ý kiến khác
19/30	6/30	9/30	7/30	0	

3. Một số đề xuất về HĐNK để nâng cao chất lượng hoạt động NCKH của SV chuyên ngữ Trường ĐH Hồng Đức

Từ những khó khăn của SV chuyên ngữ khi tiến hành NCKH và các đặc điểm của HĐNK, chúng tôi xin đưa ra một số đề xuất sau:

3.1. Để giúp SV có lựa chọn sớm về chủ đề NCKH, SV cần được định hướng tham gia các hội thảo, trao đổi, giao lưu giữa các nhóm SV NCKH trong toàn trường và Khoa Ngoại Ngữ, các buổi hội thảo, sinh hoạt chuyên môn học thuật của giảng viên cũng như liên kết với các câu lạc bộ SV NCKH ở các khoa như câu lạc bộ SV NCKH ở Khoa Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội...

Thông qua những hoạt động này, SV chuyên ngữ sẽ được mở rộng giao lưu với SV các khoa khác trong trường, đồng thời cũng học hỏi được phương pháp nghiên cứu và trình bày NCKH của các giảng viên trong khoa. Tuy nhiên, để thu hút được đông đảo SV tham gia, nội dung của các buổi sinh hoạt câu lạc bộ hoặc sinh hoạt chuyên môn học thuật cần luôn luôn được đổi mới, kết hợp sự thông báo rộng rãi đến SV từ trước và cử giảng viên hoặc SV theo dõi sát sao thành phần SV tham dự.

3.2. Về khó khăn trong tìm kiếm tài liệu, ngoài việc SV tham khảo sự tư vấn từ giảng viên hướng dẫn, khoa có thể lập ra một mạng lưới trao đổi thông tin thông qua mạng lưới facebook chuyên về NCKH, trên đó không những đăng các thông tin về hội thảo, chuyên đề, lịch NCKH mà còn là nơi giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm của các giảng viên hoặc SV có thành tích về NCKH trong các khóa trước. Ở trong kênh thông tin này cũng có đăng những bài NCKH có chất lượng hoặc các tài liệu tiếng Anh và tiếng Việt về NCKH như các báo, tạp chí trong và ngoài nước đáng tin cậy.

Với hoạt động này, cần giao cho những giảng viên có kinh nghiệm về NCKH và trực tiếp tham gia giảng dạy SV chuyên ngữ làm quản lý của trang. Song song với việc lựa chọn những nguồn tài liệu tham khảo đáng tin cậy, cần kiểm soát chặt chẽ hoạt động đăng tin trên facebook NCKH, tốt hơn hết là nên có sự kiểm duyệt từ người quản lý trang trước khi đăng thông tin. Tránh những thành viên đăng tin làm loãng thông tin dẫn đến SV bỏ sót những thông báo quan trọng.

3.3. Khoa Ngoại ngữ cũng nên có tủ sách chuyên ngành phục vụ NCKH, giúp SV có tài liệu để tham khảo. SV có thể đăng kí mượn sách liên quan đến lĩnh vực mà mình nghiên cứu. Tủ sách này gồm những tài liệu về các lĩnh vực: ngôn ngữ, giáo dục (bằng tiếng Việt và tiếng Anh), tài liệu tiếng Anh của các chuyên ngành khác mà nhà trường đào tạo. SV có thể đăng

kí và gia hạn mượn sách. Nhật kí mượn sách được ghi lại một cách chi tiết để thuận tiện cho việc quản lí.

3.4. Thông qua các buổi sinh hoạt câu lạc bộ tiếng Anh, các buổi nói chuyện, seminar khuyến khích giao lưu giữa các trường trung học phổ thông, trung học cơ sở, các trung tâm tiếng Anh, những cơ quan tuyển dụng nhân lực tốt nghiệp ngành tiếng Anh tạo sự khích lệ cho SV, đồng thời mở rộng phạm vi nghiên cứu của các nghiên cứu ra các lĩnh vực liên quan đến việc làm tương lai của SV chuyên ngành tiếng Anh.

Việc giao lưu hướng nghiệp đồng thời đưa ra những hướng sáng tạo để áp dụng vào việc làm của SV sau khi ra trường sẽ làm phong phú hơn nội dung của các NCKH, đồng thời cũng tạo điều kiện cho SV hiểu hơn về môi trường việc làm và các sáng kiến có thể áp dụng sau này. Việc trình bày bằng tiếng Anh cũng giúp cho SV tự tin hơn khi phỏng vấn ở các công ti.

Ngoài ra, để động viên SV tham gia và thúc đẩy tinh thần nghiên cứu, các HĐNK này cũng cần được khoa theo dõi sát sao để có điểm thưởng tương ứng vào kết quả học tập cho những SV tích cực tham gia các HĐNK NCKH và những SV có thành tích NCKH xuất sắc.

Hoạt động NCKH của SV có vai trò rất quan trọng trong các hoạt động đào tạo ở trường ĐH, và đa phần SV chuyên ngữ Trường ĐH Hồng Đức cũng đã ý thức được tầm quan trọng đó. Để nâng cao hơn nữa chất lượng của đề tài NCKH, SV cần tích cực tham gia vào các hội thảo, sinh hoạt chuyên môn học thuật, các câu lạc bộ NCKH của SV trong Khoa Ngoại ngữ, trong Trường ĐH Hồng Đức cũng như các hoạt động NCKH của giảng viên để có định hướng sớm về đề tài nghiên cứu cũng như được chia sẻ kinh nghiệm, phương pháp nghiên cứu và những nguồn tài liệu phục vụ cho hoạt động nghiên cứu. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Lê Tiến Hùng - Hà Nhật Thăng (1995). *Tổ chức hoạt động giáo dục*. NXB Giáo dục.
- [2] Nguyễn Văn Tuấn (2011). *Đi vào nghiên cứu khoa học*. NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
- [3] Viện Nghiên cứu Giáo dục - Trung tâm Đánh giá và Kiểm định chất lượng giáo dục (2007). *Kỉ yếu Hội thảo khoa học Hiệu quả của hoạt động ngoại khóa đối với việc nâng cao chất lượng dạy - học trong nhà trường phổ thông*.
- [4] Trường Cán bộ quản lí giáo dục TP. Hồ Chí Minh (2009). *Kỉ yếu Hội thảo khoa học Công tác quản lí hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường phổ thông*.
- [5] OECD (2002). *Frascati Manual: proposed standard practice for surveys on research and experimental development, 6th edition*. www.oecd.org/sti/frascatimanual.